

Số: 378/QĐ-BNN-PC

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2009

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành một số biểu mẫu thực hiện thí điểm**  
**chi trả dịch vụ môi trường rừng**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 380/QĐ-TTg, ngày 10 tháng 4 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách thí điểm chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Mẫu Tờ khai đăng ký nộp tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (Mẫu số 01); Mẫu Bản kê khai tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (Mẫu số 02); Mẫu Tờ khai tự quyết toán tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (Mẫu số 03) và Bản hướng dẫn.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Văn phòng Bộ, Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Sơn La, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng; Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng ở Trung ương, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Sơn La, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Lâm Đồng; đối tượng phải chi trả dịch vụ môi trường rừng; các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (b/c);
- Lưu VT, PC

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**  
**(Đã ký)**

**Hứa Đức Nhị**

Mẫu số 01

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ ĐĂNG KÝ NỘP TIỀN CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG**  
*(ban hành kèm theo Quyết định số: 378 /QĐ-BNN ngày 17 tháng 02 năm 2009)*

Kỳ đăng ký nộp tiền : năm 20..

Ngày nộp tờ đăng ký  
*(do cơ quan quĩ ghi)*

Tên cơ sở kinh doanh:.....

Địa chỉ trụ sở:.....Quận/huyện.....Tỉnh/thành phố.....

Điện thoại:.....Fax:.....Số tài khoản:.....

Đăng ký nộp tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng tại Quỹ .....

TT	Dự kiến khối lượng sản phẩm để tính tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng		Mức chi trả dịch vụ môi trường rừng	Số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng dự kiến phát sinh trong năm (đ)	Dự kiến số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng được miễn giảm trong năm (đ)	Số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng dự kiến phải nộp trong năm (đ)
	Đơn vị tính	Khối lượng				
1	Kwh điện thương phẩm		20đ/Kwh			
2	M <sup>3</sup> nước thương phẩm		40đ/M <sup>3</sup> nước			
	.....					

Nơi nhận:

- Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng (TW/tỉnh...)...

Ngày.....tháng.....năm.....

**Đại diện theo pháp luật của cơ sở kinh doanh**  
*ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)*

Mẫu số 02

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI TIỀN CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG**  
(ban hành kèm theo Quyết định số: 378 /QĐ-BNN ngày 17 tháng 02 năm 2009)

Kỳ nộp tiền: Quý (hoặc tháng).....năm 20...

Ngày nộp tờ khai  
(do cơ quan quỹ ghi)

Tên cơ sở kinh doanh:.....

Địa chỉ trụ sở:.....Quận/huyện.....Tỉnh/thành phố.....

Điện thoại:.....Fax:.....Số tài khoản:.....

TT	Khối lượng sản phẩm để tính tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng tháng.. (Quý..) năm 20..		Mức chi trả dịch vụ môi trường rừng	Số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng phát sinh trong kỳ (đ)	Dự kiến số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng được miễn giảm trong kỳ (đ)	Số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng phải nộp trong kỳ (đ)
	Đơn vị tính	Khối lượng				
1	Kwh điện thương phẩm		20đ/Kwh			
2	M <sup>3</sup> nước thương phẩm		40đ/M <sup>3</sup> nước			
..	..					

Nơi nhận:

- Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng(TW/tỉnh...)...

Ngày.....tháng.....năm.....

**Đại diện theo pháp luật của cơ sở kinh doanh**  
ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)

Mẫu số 03

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI TỰ QUYẾT TOÁN TIỀN CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG**  
(ban hành kèm theo Quyết định số: 378 /QĐ-BNN ngày 17 tháng 02 năm 2009)

Kỳ quyết toán : năm 20..

Ngày nộp tờ khai  
(do cơ quan quỹ ghi)

Tên cơ sở kinh doanh:.....

Địa chỉ trụ sở:..... Quận/huyện..... Tỉnh/thành phố.....

Điện thoại:..... Fax:..... Số tài khoản:.....

TT	Khối lượng sản phẩm để tính tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng trong cả năm 20..		Mức chi trả dịch vụ môi trường rừng	Số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng phát sinh trong kỳ (đ)	Xác định số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng được miễn giảm trong kỳ (đ)	Số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng đã nộp trong kỳ (đ)
	Đơn vị tính	Khối lượng				
1	Kwh điện thương phẩm		20đ/Kwh			
2	M <sup>3</sup> nước thương phẩm		40đ/M <sup>3</sup> nước			

Xác nhận của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng (TW, tỉnh...)

Ngày.....tháng.....năm.....  
Đại diện theo pháp luật của cơ sở kinh doanh  
(ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ))

Nơi nhận:

- Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng(TW/tỉnh...)...

**BẢN HƯỚNG DẪN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 378 /QĐ-BNN ngày 17 tháng 02 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

**1. Về địa điểm nộp Tờ khai đăng ký, Bản kê khai, Tờ khai quyết toán**

Các đối tượng phải chi trả dịch vụ môi trường rừng theo quy định tại Điều 3 Quyết định 380/QĐ-TTg ngày 10 tháng 4 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách thí điểm chi trả dịch vụ môi trường rừng (sau đây gọi tắt là *đối tượng phải chi trả*) nộp Tờ khai đăng ký, Bản kê khai, Tờ khai quyết toán theo địa chỉ như sau:

- Nhà máy thủy điện Đại Ninh (Bình Thuận); Nhà máy thủy điện Đa Nhim (Ninh Thuận) nộp bản đăng ký, kê khai và quyết toán chi trả dịch vụ môi trường rừng cho **Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Lâm Đồng**.

- Nhà máy thủy điện Suối Sập, Công ty cấp nước Sơn La nộp bản đăng ký, kê khai và quyết toán chi trả dịch vụ môi trường rừng cho **Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Sơn La**.

- Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn (SAWACO); Công ty xây dựng cấp nước Đồng Nai, Nhà máy thủy điện Hoà Bình nộp bản đăng ký, kê khai và quyết toán chi trả dịch vụ môi trường rừng cho **Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam**. (Địa chỉ: Cục Lâm nghiệp, Nhà B9, Số 2, Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội. Điện thoại: 04.38438792 Fax: 04.38438793; email:ln@mard.gov.vn; Tài khoản:(sẽ thông báo sau)).

**2. Về thời gian và thời hạn nộp Tờ khai đăng ký, Bản kê khai, Tờ khai quyết toán**

2.1. Đối với Tờ khai đăng ký nộp tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (mẫu số 01), các đối tượng phải chi trả nộp trước ngày 20/12 của năm trước năm kê khai.(vd: Tờ khai đăng ký nộp tiền chi trả dịch vụ môi trường năm 2010 thì phải nộp trước ngày 20/12/2009). Riêng đối với năm 2009, các đối tượng nộp Tờ khai đăng ký nộp tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng trước ngày 01/03/2009.

2.2. Đối với Bản kê khai tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (mẫu số 02)

Khi nộp tiền, các đối tượng chi trả nộp kèm theo Bản kê khai. Bản kê khai được làm thành 2 bản: một (01) bản gửi cho Quỹ Bảo vệ Phát triển rừng (theo hướng dẫn tại mục 1 Bản hướng dẫn này); Một (01) bản gửi cho Ngân hàng hay

Kho bạc nơi đơn vị có tài khoản giao dịch để chuyển tiền cho Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng.

Các đối tượng phải chi trả có thể nộp theo tháng hoặc theo Quý. Thời hạn nộp tiền và Bản kê khai chậm nhất là ngày 25 hàng tháng nếu nộp theo tháng và chậm nhất là ngày 25 của tháng cuối cùng của Quý nếu nộp theo Quý.

2.3. Đối với Tờ khai tự quyết toán tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng hàng năm (mẫu số 03), các đối tượng phải chi trả phải nộp chậm nhất sau 60 ngày kể từ ngày cuối cùng của năm dương lịch để xác định số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng thực tế phát sinh trong năm, số còn phải nộp, số đã nộp thừa.

### **3. Về chứng từ để hạch toán tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng vào giá thành sản xuất**

Các đối tượng phải chi trả sử dụng Tờ khai tự quyết toán và Chứng từ chuyển khoản của ngân hàng (hàng quý hoặc hàng tháng) làm cơ sở hạch toán tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng vào giá thành sản xuất.